

*Hà Nam, ngày 27 tháng 4 năm 2020*

**BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**V/v thông qua báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm**  
**toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCNVN khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Dệt may Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ các báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Tổng công ty CP Dệt May Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số nội dung chính của báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán của Tổng công ty CP Dệt may Hà Nội như sau:

**I. Báo cáo tài chính riêng năm 2019:**

**1. Bảng cân đối Kế toán:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|                                       |                  |
|---------------------------------------|------------------|
| - Tổng tài sản có đến 31/12/2019:     | <b>1.485.156</b> |
| Trong đó: - Tài sản ngắn hạn:         | <b>494.399</b>   |
| Bao gồm: + Tiền và tương đương tiền:  | 19.869           |
| + Đầu tư tài chính ngắn hạn:          | 78.800           |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn :       | 154.272          |
| + Hàng tồn kho:                       | 228.189          |
| + Tài sản ngắn hạn khác:              | 13.269           |
| - Tài sản dài hạn:                    | <b>990.757</b>   |
| Bao gồm: + Phải thu dài hạn khác:     | 7.834            |
| + Tài sản cố định:                    | 677.476          |
| + Tài sản dở dang dài hạn:            | 40.729           |
| + Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: | 151.221          |
| + Tài sản dài hạn khác:               | 113.497          |
| - Tổng nguồn vốn có đến 31/12/2019:   | <b>1.485.156</b> |
| Trong đó: - Nợ phải trả :             | <b>1.066.387</b> |
| Bao gồm: + Nợ ngắn hạn:               | 607.692          |
| + Nợ dài hạn:                         | 458.695          |
| - Vốn chủ sở hữu:                     | <b>418.769</b>   |
| Bao gồm: + Vốn góp của chủ sở hữu:    | 205.000          |
| + Quỹ đầu tư phát triển:              | 38.613           |
| + Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:      | 2.538            |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:  | 35.686           |
| + Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản:   | 136.932          |

## **2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|                                              |                  |
|----------------------------------------------|------------------|
| <b>Doanh thu thuần năm 2019:</b>             | <b>1.187.523</b> |
| - Giá vốn hàng bán:                          | 1.155.167        |
| - Doanh thu hoạt động tài chính:             | 24.290           |
| - Chi phí hoạt động tài chính:               | 42.996           |
| <i>Trong đó: - Chi phí lãi vay:</i>          | <i>40.092</i>    |
| <i>- Chênh lệch tỷ giá hối đoái:</i>         | <i>3.304</i>     |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp:              | 37.089           |
| - Chi phí bán hàng:                          | 23.440           |
| - <b>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh:</b>     | <b>(46.879)</b>  |
| - Lợi nhuận khác:                            | 60.455           |
| - <b>Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019:</b> | <b>13.576</b>    |
| - Chi phí thuế TNDN phải nộp:                | 1.990            |
| - <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN:</b>            | <b>11.586</b>    |

## **3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

|                                                              |           |
|--------------------------------------------------------------|-----------|
| - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là: | 129.833   |
| - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư:                 | 43.513    |
| - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính:              | (182.037) |
| - Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:                            | (8.691)   |
| - Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (31/12/2019):             | 19.869    |

## **II. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019:**

### **1. Bảng cân đối Kế toán:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|                                            |                  |
|--------------------------------------------|------------------|
| - <b>Tổng tài sản có đến 31/12/2019:</b>   | <b>2.144.743</b> |
| <b>Trong đó: - Tài sản ngắn hạn:</b>       | <b>909.033</b>   |
| Bao gồm: + Tiền và tương đương tiền:       | 47.942           |
| + Đầu tư tài chính ngắn hạn:               | 121.938          |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn :            | 217.983          |
| + Hàng tồn kho:                            | 489.240          |
| + Tài sản ngắn hạn khác:                   | 31.929           |
| - <b>Tài sản dài hạn:</b>                  | <b>1.235.710</b> |
| Bao gồm: + Phải thu dài hạn khác:          | 9.598            |
| + Tài sản cố định:                         | 992.319          |
| + Tài sản dở dang dài hạn:                 | 59.807           |
| + Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:      | 23.642           |
| + Tài sản dài hạn khác:                    | 150.343          |
| - <b>Tổng nguồn vốn có đến 31/12/2019:</b> | <b>2.144.743</b> |
| <b>Trong đó: - Nợ phải trả :</b>           | <b>1.603.087</b> |
| Bao gồm: + Nợ ngắn hạn:                    | 1.014.222        |
| + Nợ dài hạn:                              | 588.865          |
| - <b>Vốn chủ sở hữu:</b>                   | <b>541.656</b>   |

|          |                                        |         |
|----------|----------------------------------------|---------|
| Bao gồm: | + Vốn góp của chủ sở hữu:              | 205.000 |
|          | + Vốn khác của chủ sở hữu:             | 43.586  |
|          | + Quỹ đầu tư phát triển:               | 63.599  |
|          | + Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:       | 2.537   |
|          | + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:   | 10.167  |
|          | + Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản:    | 136.932 |
|          | + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: | 79.835  |

## **2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|                                               |                  |
|-----------------------------------------------|------------------|
| <b>Doanh thu thuần bán hàng và CCDV:</b>      | <b>2.403.929</b> |
| - Giá vốn hàng bán:                           | 2.256.100        |
| - Doanh thu hoạt động tài chính:              | 24.991           |
| - Chi phí hoạt động tài chính:                | 75.466           |
| <i>Trong đó: - Chi phí lãi vay:</i>           | <i>68.848</i>    |
| - Lãi hoặc lỗ trong Cty liên doanh, liên kết: | 503              |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp:               | 96.623           |
| - Chi phí bán hàng:                           | 64.709           |
| - <b>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh:</b>      | <b>(63.475)</b>  |
| - Lợi nhuận khác:                             | 63.221           |
| - <b>Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019:</b>  | <b>(254)</b>     |
| - <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN:</b>             | <b>(6.153)</b>   |

## **3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

|                                                              |          |
|--------------------------------------------------------------|----------|
| - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là: | 326.673  |
| - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư:                 | (37.987) |
| - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính:              | 302.985  |
| - Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:                            | (14.298) |
| - Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (31/12/2019):             | 47.942   |

Các báo cáo trên đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải đầy đủ trên Website của Tổng công ty tại địa chỉ [hanosimex.com.vn](http://hanosimex.com.vn)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

  
**Lê Tiến Trường**